Lesson Sheet

A1 · Week 3 · Session 1 · a1-w03-s1 · v1 draft

Things in My Backpack

• Học sinh gọi tên và viết đúng các đồ dùng học tập thông dụng trong cặp sách.

• Học sinh phân biệt cách dùng 'There is a/an...' cho danh từ số ít và 'There are...' cho danh từ số nhiều.

Grammar: There is / There are and Indefinite Articles (a / an)

Ta dùng 'There is a / an' cho một đồ vật số ít (dùng 'an' trước danh từ bắt đầu bằng nguyên âm: u, e, o, a, i; dùng 'a' trước phụ âm). Ta dùng 'There are' cho đồ vật số nhiều kèm số lượng cụ thể.

There is + a / an + Singular Noun | There are + Number / Plural Noun

Làm quen với từ vựng đồ dùng học tập · 10 phút
Học sinh quan sát đồ dùng thực tế trong cặp và luyện phát âm các từ vựng tiếng Anh kèm phiên âm.

Ngữ pháp There is / There are và luyện đọc hiểu · 15 phút
Học sinh học cách dùng 'There is a/an' và 'There are', đọc bài văn về chiếc ba lô của Toby và trả lời câu hỏi.

Luyện nghe đối thoại và thực hành hỏi đáp cặp sách · 10 phút
Học sinh nghe cuộc trò chuyện giữa Toby và mẹ, sau đó mở cặp của mình để giới thiệu với bạn.

Viết đoạn văn ngắn và làm bài trắc nghiệm đồ dùng · 10 phút
Học sinh viết đoạn văn 25 từ kể về đồ dùng trong cặp và làm 8 câu hỏi kiểm tra củng cố kiến thức.

Vocabulary Worksheet

A1 · Week 3 · Session 1 · a1-w03-s1 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

backpack /ˈbækpæk/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

pencil /ˈpensl/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

pen /pen/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

notebook /ˈnəʊtbʊk/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

ruler /ˈruːlə(r)/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

eraser /ɪˈreɪzə(r)/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

pencil case /ˈpensl keɪs/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

sharpener /ˈʃɑːpnə(r)/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

book /bʊk/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

A1 · Week 3 · Session 1 · a1-w03-s1 · v1 draft

There is / There are and Indefinite Articles (a / an)

There is + a / an + Singular Noun | There are + Number / Plural Noun

Choose the correct indefinite article: 'There is _____ eraser on the desk.'
A. an
B. a
C. two

Choose the grammatically correct sentence:
A. There are three pens in the bag.
B. There is three pens in the bag.
C. There are a pen in the bag.

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

A1 · Week 3 · Session 1 · a1-w03-s1 · v1 draft

What Is in Toby's Blue Backpack?

Every weekday, Toby packs his blue backpack for school. Inside his bag, there is a large English book and an orange notebook. There is a green pencil case next to the books. Inside the pencil case, there are three blue pens, two sharp pencils, and an eraser. There is also a long ruler. Toby puts a red apple in the front pocket. His backpack is heavy, but Toby is ready for a great day at school.

What color is the notebook inside Toby's backpack in the reading text?
A. Green
B. Orange
C. Red

How many blue pens are inside Toby's pencil case?
A. One
B. Two
C. Three

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

A1 · Week 3 · Session 1 · a1-w03-s1 · v1 draft

Packing the School Bag

Lần nghe 1: Nghe để biết Toby và mẹ đang tìm kiếm những đồ dùng học tập nào.
Lần nghe 2: Nghe kỹ vị trí của hộp bút và số lượng tẩy, bút chì trong hộp bút.

Where was Toby's pencil case according to his mom in the audio?
A. In his backpack
B. On the study desk
C. Under the chair

How many erasers are in the pencil case according to the listening dialogue?
A. One eraser
B. Two erasers
C. Three erasers

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

A1 · Week 3 · Session 1 · a1-w03-s1 · v1 draft

Write a short paragraph (20-40 words) listing the things inside your school backpack.

Độ dài tham khảo: 20–40 từ.

• Câu 1: Giới thiệu màu sắc chiếc cặp sách của em.

• Câu 2: Liệt kê đồ dùng số ít (dùng There is a/an).

• Câu 3: Liệt kê đồ dùng số nhiều (dùng There are).

Checklist

¡Dùng đúng 'a' trước phụ âm và 'an' trước nguyên âm.

¡Phân biệt đúng 'There is' và 'There are'.

¡Độ dài bài viết từ 20 đến 40 từ.

Speaking Card

A1 · Week 3 · Session 1 · a1-w03-s1 · v1 draft

Open your school bag and tell a partner what is inside using 'There is a...' and 'There are...'

What color is your backpack?

How many notebooks are in your bag?

Is there an eraser in your pencil case?

Bố mẹ quan sát

¡Sử dụng đúng 'There is a/an' cho danh từ số ít và 'There are' cho danh từ số nhiều.
¡Phát âm chính xác các âm đuôi số nhiều /s/, /z/ trong 'pencils', 'books'.

Từ vựng gợi ý

backpack · pencil · pen · notebook · ruler · eraser · pencil case · sharpener · book